TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2019/DS-PT
Ngày: 30-10-2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Duy Hoài

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2019/TLPT- DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 282/2019/QĐ-PT ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Phạm Văn Ng, sinh năm: 1977, bà Mai Thùy Tr, sinh năm: 1982; cư trú tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Mai Xuân Tr, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975; cư trú tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Tr, bà H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr thì: trong khoảng thời gian từ năm 2012-2017 vợ chồng ông, bà có bán cám heo và gạo ăn cho vợ chồng ông Mai Xuân Tr, Nguyễn Thị H theo hình

thức bán cám cho nợ đến kỳ xuất heo thì thu tiền. Theo tính toán thì đến ngày 05/01/2015 vợ chồng ông Tr, bà H còn nợ tiền cám là 94.081.000đ và bà H đã ghi giấy nợ, ký xác nhận số tiền nợ trên trong sổ nợ của vợ chồng ông bà, trong năm 2015 vợ chồng ông Tr, bà H đã trả được tổng cộng 49.000.000đ và vợ chồng ông, bà có ghi các lần trả này vào cùng tờ giấy nhận nợ ngày 05/01/2015 của vợ chồng ông Tr, bà H, cụ thể ngày 02/5/2015 trả 8.000.000đ, ngày 18/5/2015 trả 8.000.000đ, ngày 04/8/2015 trả 6.000.000đ, ngày 22/8/2015 trả 15.000.000đ, ngày 12/11/2015 trả 12.000.000đ.

Số nợ tiền cám trong năm 2015 là 94.081.000đ và vợ chồng ông Tr đã trả được 49.000.000đ nên còn nợ lại 45.081.000đ. Sau đó ngày 26/02/2016 bà H có trả cho ông bà được 5.000.000đ nên còn nợ tiền cám là 40.081.000đ. Sau đó hai bên tiếp tục làm ăn mua bán cám với nhau và tính từ ngày 12/4/2016 đến ngày 22/01/2017 vợ chồng ông Tr, bà H nợ 39.203.000đ. Như vậy tổng cộng hiện nay vợ chồng ông Tr còn nợ tiền cám vợ chồng ông bà là 79.284.000đ; vào ngày 10/5/2019 vợ chồng ông Tr, bà H có trả cho vợ chồng ông bà 10.000.000đ thông qua ông Nguyễn Quốc V trả.

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà H trả 69.284.000đ tiền mua cám còn thiếu. Đối với việc vợ chồng ông Tr, bà H cho rằng vợ chồng ông, bà đã xé các giấy ghi các lần trả của số nợ 94.081.000đ là không có. Trong sổ sách ghi chép có chỗ ghi 720, 144, 370 là do các bên ghi tắt bỏ bớt ba chữ số 0 nhưng được hiểu là 720.000đ, 144.000đ, 370.000đ.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H thì vợ chồng ông, bà bắt đầu chăn nuôi heo và mua cám của vợ chồng ông Ng, bà Tr từ năm 2012 và mua bán cám theo hình thức bên bán cho nợ tiền khi nào xuất heo thì sẽ trả tiền. Theo tính toán thì đến ngày 05/01/2015 vợ chồng ông, bà còn nợ vợ chồng ông Ng, bà Tr 94.081.000đ và bà Nguyễn Thị H đã ghi giấy nợ, ký xác nhận số tiền nợ trên đối với vợ chồng ông Ng, bà Tr. Trong năm 2015 và 2016 vợ chồng ông bà đã trả xong số nợ 94.081.000đ, tuy nhiên khi trả không ghi giấy tờ gì để giao cho vợ chồng ông, bà, nhưng có ghi vào sổ của bên bán mà hiện nay đã bị vợ chồng ông Ng, bà Tr xé bỏ. Đồng thời khi trả xong, do tin tưởng nên vợ chồng ông, bà cũng không gạch khoản nợ này.

Sau đó các bên tiếp tục làm ăn và theo sổ sách vợ chồng ông Ng, bà Tr thể hiện từ ngày 12/4/2016 đến ngày 22/01/2017. Thời điểm tháng 01/2017 do heo rớt giá nên vợ chồng ông Ng, bà Tr không bán cám cho vợ chồng ông, bà nữa và vợ chồng ông, bà cũng chưa trả được tiền cám các lần mua bán từ ngày 12/4/2016 đến ngày 22/01/2017. Ngày 10/5/2019 vợ chồng ông, bà có bán heo cho ông Nguyễn Quốc V và có nhờ ông Vương đem 10.000.000đ để trả cho vợ chồng ông Ng, bà Tr. Nay vợ chồng ông bà xác định chỉ còn nợ vợ chồng ông Ng, bà Tr tiền cám từ ngày 12/4/2016 đến ngày 22/01/2017 tổng cộng là

39.203.000đ và trừ đi số tiền 10.000.000đ đã trả ngày 10/5/2019. Vợ chồng ông, bà đồng ý trả số nợ 29.203.000đ tiền mua cám còn thiếu này cho vợ chồng ông Ng, bà Tr.

Trong sổ sách ghi chép có chỗ ghi 720, 144, 370 là các bên thỏa thuận ghi tắt bỏ bớt ba chữ số 0 nhưng được hiểu là 720.000đ, 144.000đ, 370.000đ. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 38/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019; Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" của nguyên đơn là vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr. Buộc vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr số tiền 69.284.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/9/2019 vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Tr, bà H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Vợ chồng ông Ng, bà Tr đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr có xác lập giao dịch dân sự mua bán cám heo, do các bên không thống nhất được với nhau về số tiền đã thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Hợp đồng dân sự mua bán tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc các bên thỏa thuận mua bán cám heo là có xảy ra trong thực tế, vợ chồng ông Ng, bà Tr bán cám heo cho vợ chồng ông Tr, bà H theo hình thức bên bán cho nợ tiền khi nào xuất heo thì sẽ trả tiền, việc mua bán được ghi chép vào sổ sách do bên bán lập và mỗi lần vợ chồng ông Tr, bà H mua cám thì ký xác nhận.

[3] Theo giấy ghi nợ ngày 05/01/2015 có chữ ký xác nhận nợ của bà H thì tính đến ngày 05/01/2015 vợ chồng ông Tr, bà H còn nợ số tiền 94.081.000đ, sau đó khi vợ chồng ông Tr, bà H trả nợ thì vợ chồng ông Ng, bà Tr đã ghi vào bên dưới phần bị đơn đã ký nhận nợ; vợ chồng ông Tr, bà H cho rằng đã trả toàn bộ số nợ này và được ghi vào cuốn sổ, hiện nay ông Nguyên đã xé bỏ, hơn nữa khi trả nợ do tin tưởng nên vợ chồng ông, bà không gạch bỏ đối với số nợ này nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, trong khi đó vợ chồng ông Ng, bà Tr lại không thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Tr, bà H (bà H) cung cấp một cuốn sổ ghi chép việc mua cám heo, tuy nhiên nội dung này do bà Hòa tự ghi để theo dõi việc mua cám của gia đình chứ không thể hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông Ng, bà Tr. Mặt khác trong cuốn sổ này cũng không có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông Ng, bà Tr nên không có căn cứ xem xét.

[4] Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng ông Ng, bà Tr thừa nhận sau khi chốt nợ ngày 05/01/2015 vợ chồng ông Tr, bà H đã trả được số tiền 54.000.000đ. Như vậy sau khi trừ số tiền đã trả thì số nợ còn lại của phần tiền đã chốt ngày 05/01/2015 là 40.081.000đ. Do đó cần buộc vợ chồng ông Tr, bà H trả cho vợ chồng ông Ng, bà Tr số tiền nói trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với số tiền mua cám heo từ ngày 12/4/2016 đến ngày 22/01/2017 vợ chồng ông Tr, bà H còn nợ vợ chồng ông Ng, bà Tr 39.203.000đ, ngày 20/5/2019 vợ chồng ông Tr, bà H đã trả được 10.000.000đ thông qua ông Nguyễn Quốc V, đối với số tiền này các bên đều thừa nhận, không tranh chấp nên hiện nay sau khi cấn trừ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 29.203.000đ. Như vậy tổng cộng hai khoản tiền mà bị đơn còn nợ là 69.284.000đ.

[6] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án; buộc vợ chồng ông Tr, bà H phải trả cho vợ chồng ông Ng, bà Tr số tiền 69.284.000đ là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr về việc "Tranh chấp Hợp đồng dân sự mua bán tài sản" đối với vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr số tiền 69.284.000đ (sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.464.200đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Phạm Văn Ng, bà Mai Thùy Tr không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông Ng, bà Tr được nhận lại số tiền 2.100.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006740 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Buộc vợ chồng ông Mai Xuân Tr, bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/00137448 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Tr, bà H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Châu Thạch